



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 492031000061 do Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20/09/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 07/01/2019.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 vnd

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: 84-254-392.36.36/7/8 Fax: 84-254-392.38.89

Email: tnsteel@tnsteel.vn

Website: www.tnsteel.vn

Thiết bị chính được đầu tư theo công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất của Mỹ do nhà sản xuất máy cán nguội uy tín và chuyên nghiệp INTERGRATED INDUSTRIAL SYSTEMS (I²S) với công suất vận hành: 200.000 tấn / năm. Đặc điểm nổi bật nhất của máy cán nguội 4 trục đảo chiều bao gồm:

1. Hệ thống tự động điều khiển độ dày của thép (automatic gage control system)
2. Hệ thống tự động điều khiển độ phẳng của thép (ABB automatic flatness control system)
3. Hệ thống biến tần ACS 800 của ABB
4. General Electric RX7i Programmable Logic Controller

Máy cán được thiết kế với 2 truyền động độc lập cho 2 trục cán, giúp dễ dàng điều khiển 2 trục cán (trục trên và trục dưới) có cùng vận tốc dài trong quá trình cán ngay cả trong trường hợp 2 trục cán có đường kính khác nhau, đặc điểm này rất quan trọng trong việc kiểm soát Tension và loại bỏ khả năng trượt trong khi cán. Đồng thời máy cán cũng được trang bị 2 trục Shapemeter roll ở đầu vào và đầu ra của máy cán giúp cho máy cán có thể điều chỉnh được thông số độ phẳng một cách tối ưu nhất mà các máy thế hệ cũ không được trang bị đầy đủ, đây cũng là thông số quan trọng nhất mà các khách hàng sử dụng thép cán nguội quan tâm. Đặc điểm sản phẩm thép cuộn cán nguội của TNFS như sau:

Chiều dày: 0,15 ÷ 1,8 mm

Chiều rộng: 650 ÷ 1.250 mm



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Tất cả các sản phẩm của công ty CP thép tấm lá Thông Nhất được sản xuất và kiểm tra theo các quy trình nghiêm ngặt trước khi xuất xưởng giao cho khách hàng và đạt theo tiêu chuẩn quốc tế của Nhật Bản là JIS G3141:11.

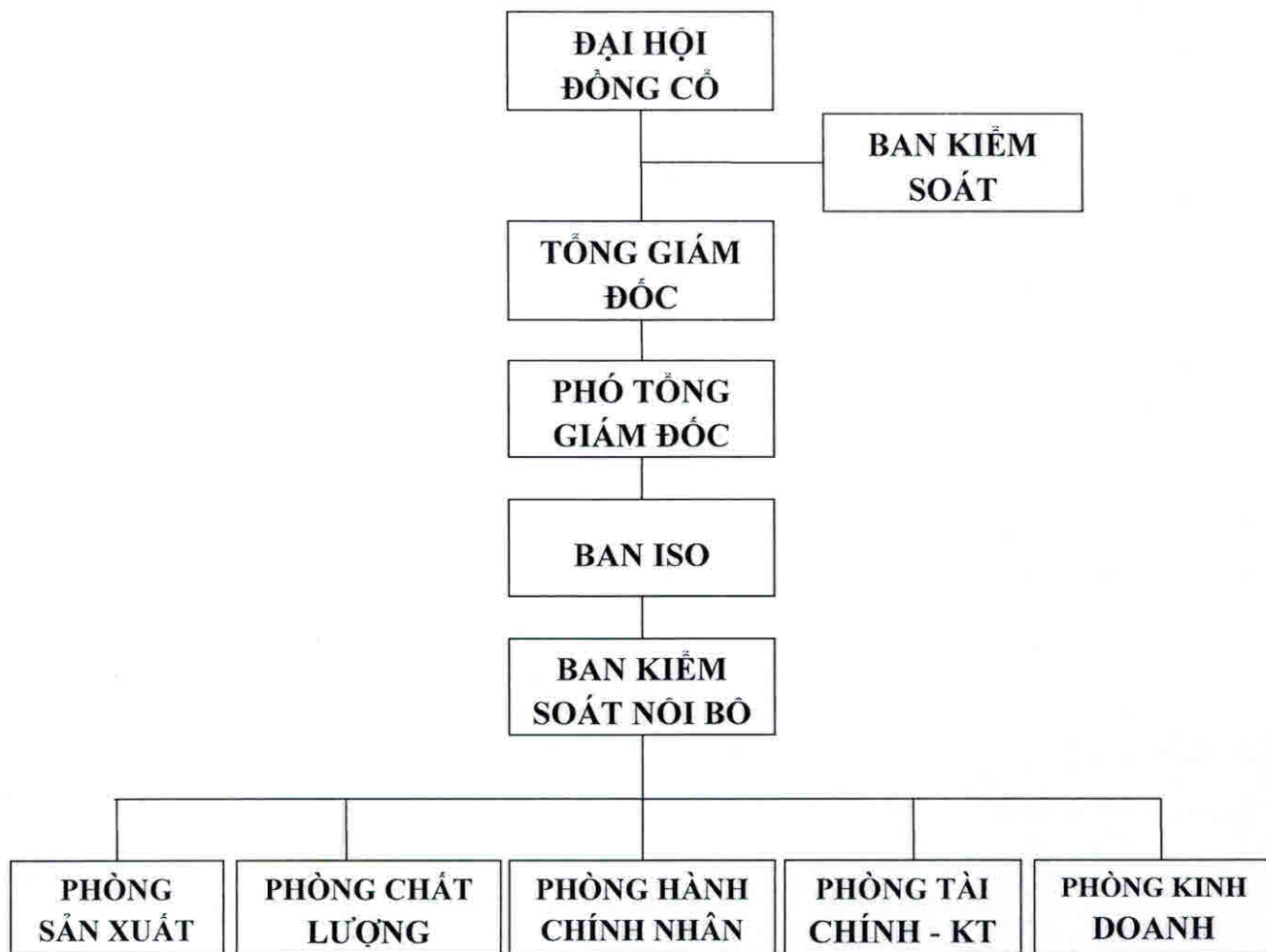
Với đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, đa phần đã có kinh nghiệm nhiều năm làm việc tại các nhà máy cán nguội lớn và được đào tạo bởi các chuyên gia hàng đầu thế giới tại Mỹ, được tổ chức và hoạt động theo tinh thần Teamwork. Công ty luôn cam kết với các đối tác cũng như khách hàng về việc đem lại những sản phẩm chất lượng tốt nhất và dịch vụ hoàn hảo nhất, luôn hướng đến và xem lợi ích cũng như thành công của khách hàng là lợi ích và thành công của mình.

Với mong muốn trở thành một trong những công ty thép sản xuất thép tấm lá hàng đầu Việt Nam và khu vực, slogan “ More satisfied – Hải lòng hơn nữa” của TNFS thể hiện chính sách nhất quán và phương châm kinh doanh là hướng về lợi ích của khách hàng, thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng. Khách hàng sẽ ngày càng hài lòng khi càng hợp tác với TNFS, không những về chất lượng sản phẩm mà cả cung cách phục vụ và TNFS luôn tuân thủ và thực hiện các cam kết với khách hàng.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

Cơ cấu bộ máy quản lý.



II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

1. Tình hình sản xuất:

- Công ty tập trung bán hàng và gia công cho hầu hết các công ty tôn mạ tại Việt Nam với tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong 12 tháng năm 2018 như sau:

Chi tiêu	Lũy kế 12 tháng	So với kế hoạch năm 2018
Sản xuất	126,440	79%
Tiêu thụ	143.370	90%

- Do tình hình SXKD thép cán nguội gặp nhiều khó khăn, tiêu thụ kém, để đa dạng hóa sản phẩm và tăng sản lượng, 12 tháng đầu năm công ty đã gia công và mua bán thương mại các sản phẩm dùng cho hệ thép ống, các sản phẩm tôn mạ... cụ thể:



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

STT	Đơn vị	Sản phẩm	Giao hàng (tấn)	Ghi chú
1	Thép Nguyễn Minh	Tôn mạ	8,185	Gia công
2	Vinapipe	Tôn mạ	708	Thương mại
3	Vingal	Băng, ống	35	Thương mại
4	Thép Visa	Tôn mạ	40	Thương mại
Cộng			8,968	

2. Về tình hình phối hợp thép dẹt trong hệ thống VNS:

Kết quả phối hợp trong 12 tháng năm 2018:

a. TNFS-TPN-TVT:

Về tình hình phối hợp tiêu thụ CRC của 2 nhà máy TPN và TVT, trong năm 2018 công ty TPN đã đạt hàng CRC tại TNS là 28,900 tấn chiếm 19% tổng sản lượng sản xuất của công ty và công ty TVT đạt tổng cộng 4,230 tấn chiếm 2% tổng sản lượng.

b. TNFS-PFS:

Trong năm 2018, công ty PFS đã gia công tẩy rửa PO cho TNS là 56,090 tấn, TNS mua nguyên liệu PO của PFS để sản xuất là 2,976 tấn, TNS gia công CRC cho PFS là 3,851 tấn

3. Tình hình tài chính, công nợ:

Lợi nhuận lũy kế 12 tháng lỗ 19,9 triệu đồng. Tổng nợ trả đến 31/12 là 31.3 tỷ đồng cho các đơn vị Hoa Sen, CFC, Tổng công ty, PFS, HMC và Tenova.

4. Về tình hình công tác tổ chức sản xuất, tiêu hao nguyên vật liệu

Thiết bị, dây chuyền của công ty hoạt động ổn định trong 12 tháng đầu năm. Công tác bảo trì định kỳ, bảo trì phòng ngừa được thực hiện theo đúng kế hoạch. Các tiêu hao chính như điện, dầu cán và trục cán đều được kiểm soát chặt chẽ, các tiêu hao kim loại tại cán và RCL được kiểm soát tốt tuy nhiên do sản lượng 2018 thấp hơn năm trước nên các tiêu hao trên đều vượt so với trung bình năm 2017

5. Về công tác quản trị:

Trong tình hình khó khăn liên tục và kéo dài nhưng Cty vẫn giữ được đội ngũ, xây dựng được tập thể đoàn kết, Tổng số CBCNV năm 2018 là 94 người, tăng 1 người so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân năm 2018 là 11,6 triệu đồng/người/tháng.

Các chế độ chính sách cho NLĐ được chăm lo và duy trì thực hiện tốt. Trong năm 2018, công ty cũng đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV, mua bảo hiểm PIJICO cho toàn bộ CBCNV, cấp đồng phục, tổ chức nghỉ mát CBCNV, thực hiện thường xuyên công tác phòng chống dịch bệnh, phối hợp ban an toàn lao động kiểm tra nhắc nhở thực hiện công tác an toàn lao động vệ sinh trong toàn nhà máy, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Công ty đã duy trì áp dụng hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001: 2015 và được Quacert đánh giá giám sát đạt yêu cầu chứng nhận ISO 9001: 2015 trong năm 2018.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Thường xuyên cập nhật hỗ trợ cổ đông thay đổi thông tin, đăng ký lưu ký để thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Triển khai thực hiện kiểm soát nội bộ để kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả quản lý.

6. Tình hình kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh: Tổng sản lượng tiêu thụ 12 tháng đạt 145,280 tấn, chiếm 91 % kế hoạch năm 2018. Doanh thu đạt 1,614 tỷ đồng; Lỗ -19 triệu đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện		
		2017	2018	% tăng giảm
1	Tổng sản giá trị tài sản (triệu đồng)	559.878	630.389	+12,59%
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.513.174	1.614.681	+6,71%
3	Lợi nhuận từ SXKD (triệu đồng)	77.216	-1.859	-102.41%
4	Lợi nhuận khác (triệu đồng)	-1.097	1.840	+ 267.73
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	76.118	-19	- 100%
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	76.118	-19	- 100%
Các chỉ tiêu		Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn		0.54 lần	0.6 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn		0.34 lần	0.45 lần	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	95,63%	96,12%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	267,75%	302,97%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán (triệu đồng)</u>	17,79 lần	21,81 lần	
<u>Hàng tồn kho bình quân(triệu đồng)</u>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,70 lần	2,56 lần	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,03%	0%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	38,06%	0%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	13,59%	0%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	5,1%		

III. Đánh giá hội Đồng quản trị của Công Ty:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 6 thành viên:

1. Ông Trần Ngọc Tuấn - Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân - Ủy viên
4. Ông Lê Việt - Ủy viên
5. Ông Nguyễn Xuân Hương - Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 07/12/2018)
6. Ông Nguyễn Văn Đại - Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2019)
7. Bà Võ Thị Lệ Châu - Ủy viên
8. Ông Nguyễn Huy Thọ - Ủy viên (bỏ nhiệm từ ngày 07/12/2018)



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

9. Bà Trần Thanh Hương -Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2019)

Căn cứ vào điều lệ và tình hình hoạt động của công ty, chúng tôi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị thực hiện trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

1. Tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2017 :

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 ngày 12 tháng 4 năm 2018, Hội đồng quản trị đã bám sát diễn biến của thị trường cũng như tình hình tài chính của công ty để đưa ra những quyết sách phù hợp, lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn, sản lượng tiêu thụ năm 2018 là 145.280 tấn đạt tỉ lệ 91% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế lỗ 19,9 triệu đồng

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

2.1. Các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị :

Nhằm theo sát tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đề ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành phù hợp với diễn biến nền kinh tế, trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tiến hành nhiều cuộc họp qua đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng quản trị thông qua như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ	12/4/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty CP thép tấm lá Thống Nhất
2	Số: 02/NQ.HĐQT	14/5/2018	Đồng ý để Ban điều hành kí kết hợp đồng chọn công ty CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty năm 2018
3	Số: 03/NQ.HĐQT	10/12/2018	Đồng ý báo cáo của Ban Điều Hành về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 Thông qua về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty CP thép tấm lá Thống Nhất của ông Nguyễn Xuân Hương kể từ ngày 07/12/2018



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

			<p>đồng thời bổ nhiệm tạm thời ông Nguyễn Huy Thọ làm thành viên HĐQT Công ty CP thép tấm lá Thông Nhất nhiệm kỳ 2017-2022 từ ngày 07/12/2018. HĐQT sẽ báo cáo và chính thức thông qua việc từ nhiệm và bổ nhiệm nói trên vào ĐHĐCĐ gần nhất;</p> <p>Thông qua một số nội dung điều chỉnh trong Giấy Chứng Nhận Đầu Tư;</p> <p>Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ gần nhất thông qua dự thảo trên</p>
4	Số: 04/NQ.HĐQT	28/12/2018	<p>Thông qua về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty CP thép tấm lá Thông Nhất của ông Nguyễn Văn Đại kể từ ngày 01/01/2019</p> <p>Thông qua việc bổ nhiệm tạm thời bà Trần Thanh Hương làm thành viên HĐQT Công ty CP thép tấm lá Thông Nhất nhiệm kỳ 2017-2022 từ ngày 01/01/2019</p> <p>HĐQT sẽ báo cáo và chính thức thông qua việc từ nhiệm và bổ nhiệm nói trên vào ĐHĐCĐ gần nhất;</p>
5	Số :01 /QĐ-TNFS	28/12/2018	<p>Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần thép tấm lá Thông Nhất của Ông Nguyễn Văn Đại kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019</p>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

6	Số :02 /QĐ-TNFS	28/12/2018	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Huy Thọ thành viên HĐQT giữ chức vụ Quyền Tổng Giám Đốc Công ty kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019
---	-----------------	------------	---

2.2. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị :

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn ; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận cao của các cổ đông
- Việc công bố thông tin đảm bảo chính xác, kịp thời và tuân thủ về nội dung

2.3. Công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc :

- Trong năm 2018 Tổng Giám Đốc đã điều hành và thực hiện tốt các quyết định của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị qua thư điện tử và điện thoại về tình hình tài chính , hoạt động SXKD của công ty và thị trường giúp Hội đồng quản trị tham gia ý kiến hoặc chỉ đạo trực tiếp kịp thời và hiệu quả đối với các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất.

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tập trung chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong các công tác triển khai các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tài chính.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- Tổ chức các cuộc họp bất thường (có thể qua văn bản, điện thoại) để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

IV. Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát:

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Trong năm 2018, Ban Kiểm Soát tiến hành các hoạt động sau:

- Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đối với HĐQT và Ban giám đốc.
- Kiểm soát, giám sát tính hợp pháp, hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên quan đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018;
- Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hằng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

2. Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát năm 2018.

a. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, ban điều hành công ty

- Năm 2018, HĐQT Công ty đã tổ chức 5 cuộc họp, ban hành 3 Nghị quyết và 2 Quyết định. Các hoạt động của HĐQT đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức, nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2018 Ban điều hành của HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:
 - + Thông qua kết quả SXKD năm 2017, kế hoạch hoạt động SXKD 2018 trình Đại hội đồng thường niên 2018 thông qua;
 - + Đồng ý để Ban điều hành ký kết hợp đồng chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2018;
 - + Đồng ý báo cáo của Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh 2018 và kế hoạch sản xuất 2019;
 - + Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT: ông Nguyễn Xuân Hưởng và bầu bổ sung thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Huy Thọ nhiệm kỳ 2017-2022;
 - + Thông qua một số nội dung điều chỉnh trong giấy Chứng nhận đầu tư;
 - + Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình ĐHĐCĐ gần nhất thông qua dự thảo trên;
 - + Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT: ông Nguyễn Văn Đại và bổ nhiệm tạm thời thành viên HĐQT: bà Trần Thanh Hương nhiệm kỳ 2017-2022;



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

- + Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc: ông Nguyễn Văn Đại và bổ nhiệm ông Nguyễn Huy Thọ thành viên HĐQT giữ chức vụ Quyền Tổng giám đốc kể từ ngày 01/01/2019;
 - Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018: tình hình thị trường thép khó khăn, tiêu thụ kém, để đa dạng hóa sản phẩm và tăng sản lượng Công ty đã gia công và mua bán thương mại các sản phẩm dùng cho hệ thép ống, các sản phẩm tôn mạ.... Sản lượng sản xuất, mua vào đạt 91%, tiêu thụ đạt 90% kế hoạch Tổng công ty giao. Lợi nhuận trước và sau thuế lỗ 19,9 triệu đồng.
 - Về công tác quản lý, điều hành: Ban giám đốc thường xuyên chỉ đạo tăng cường kiểm tra, quản lý, sắp xếp sản xuất và giám sát chất lượng sản phẩm. Họp định kỳ báo cáo tình hình sản xuất, quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời phục vụ cho việc hoạt động sản xuất kinh doanh.
- b. Tình hình tài chính 31/12/2018:**
- Báo cáo tài chính 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) là đơn vị được UBCKNN chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
 - Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.
 - Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội cổ đông là thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Stt	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018	Tỷ lệ (%)	Ngày 01/01/2018	Tỷ lệ (%)
A	TỔNG TÀI SẢN	630.389.837.861	100	559.978.656.271	100
I	Tài sản ngắn hạn	282.980.309.240	44,89	192.096.237.724	34,30
1	Tiền và các khoản tương đương	11.168.248.187	1,77	97.835.311.975	17,47
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	197.940.906.145	31,40	19.108.160.983	3,41
3	Hàng tồn kho	73.279.290.374	11,62	72.898.900.908	13,02
4	Tài sản ngắn hạn khác	591.864.534	0,09	2.253.863.858	0,40
II	Tài sản dài hạn	347.409.528.621	55,11	367.882.418.547	65,70



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

B	NỢ PHẢI TRẢ	605.931.738.004	100,00	535.500.619.167	100,00
	Nợ ngắn hạn	470.328.833.670	77,62	355.967.251.292	66,47
	Nợ dài hạn	135.602.904.334	22,38	179.533.367.875	33,53
C	VỐN CHỦ SỞ HỮU (A-B)	24.458.099.857		24.478.037.104	

• Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH/KH 2018
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	160.000	126.440	91%
	Sản lượng mua vào			18.832	
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	160.000	143.370	90%
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	841.018	1.614.681	192%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	12.000	- 19,9	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	12.000	- 19,9	

Năm tài chính kết thúc, Công ty lỗ 19,9 triệu đồng và số lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2018 là 176,311 tỷ đồng. Ngoài ra tại thời điểm ngày 31/12/2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 187,35 tỷ đồng.

c. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Trên cơ sở các vấn đề trên, để từng bước nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:
- Cần xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm phù hợp với năng lực, nguồn lực của Công ty để đảm bảo kế hoạch đề ra.
- Ban điều hành cần phải tập trung cao độ, kiên quyết hơn, bám sát chặt chẽ trong việc quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, tìm mọi biện pháp không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng suất lao động thông qua việc quản lý lao động, công nghệ. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân kỹ thuật.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- Ban điều hành chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ thúc đẩy sản xuất nâng cao giá trị Công ty và Cổ phiếu TNS trên thị trường chứng khoán.
- Trong năm 2018 nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn làm ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thanh toán của Công ty. Vì vậy trong năm 2019 đề nghị Công ty tiếp tục lập phương án và kế hoạch trả nợ.

3. Kế hoạch công tác năm 2019 của Ban kiểm soát

- Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc:
 - + Thực hiện chiến lược của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.
 - + Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
 - + Tiếp tục giám sát thực hiện kiểm soát nội bộ công ty.
- Tham gia soát xét Báo cáo tài chính năm 2019 cùng với kiểm toán độc lập.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm cùng với kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên trong ban kiểm soát nhất trí thông qua.

V. Báo cáo tài chính năm 2018:

1. Báo cáo kiểm toán năm 2017

- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thông Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		282,980,309,240	192,096,237,724
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11,168,248,187	97,835,311,975



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

111	1.	Tiền		9,168,248,187	31,271,423,086
112	2.	Các khoản tương đương tiền		2,000,000,000	66,563,888,889
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		197,940,906,145	19,108,160,983
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	196,701,132,561	687,718,600
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	661,025,472	4,577,891,724
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	6	578,748,112	13,842,550,659
140	IV.	Hàng tồn kho	7	73,279,290,374	72,898,900,908
141	1.	Hàng tồn kho		74,416,594,629	74,103,695,237
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1,137,304,255)	(1,204,794,329)
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		591,864,534	2,253,863,858
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	491,157,654	639,018,276
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ		18,614,474	1,522,963,082
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	82,092,406	91,882,500
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		347,409,528,621	367,882,418,547
220	II.	Tài sản cố định		324,127,936,177	352,091,827,087
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	8	324,127,936,177	352,091,827,087
222	-	Nguyên giá		540,620,465,697	540,620,465,697
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(216,492,529,520)	(188,528,638,610)
260	VI.	Tài sản dài hạn khác		23,281,592,444	15,790,591,460
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	9	23,281,592,444	15,790,591,460
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			630,389,837,861	559,978,656,271

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019					
(tiếp theo)					
Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		605,931,738,004	535,500,619,167
310	I.	Nợ ngắn hạn		470,328,833,670	355,967,251,292
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	10	293,428,690,915	136,902,105,066
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	3,243,324,071	20,404,510,194
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1,280,615,489	2,120,122,424
314	4.	Phải trả người lao động		460,233,295	908,442,853
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	9,236,864,965	4,474,560,239
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	14	82,844,070,601	82,855,890,133
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	79,711,654,527	95,682,376,101
321	8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	12,495,864,475
322	9.	Quỹ khen thưởng phúc lợi		123,379,807	123,379,807



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

330	II.	Nợ dài hạn		135,602,904,334	179,533,367,875
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	135,602,904,334	179,533,367,875
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		24,458,099,857	24,478,037,104
410	I.	Vốn chủ sở hữu	16	24,458,099,857	24,478,037,104
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
411a		<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		200,000,000,000	200,000,000,000
418	2.	Quỹ đầu tư phát triển		769,839,744	769,839,744
421	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(176,311,739,887)	(176,291,802,640)
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(176,291,802,640)	(252,410,377,811)
421b		<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(19,937,247)	76,118,575,171
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		630,389,837,861	559,978,656,271

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1,614,899,465,769	1,514,482,309,224
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	218,304,491	1,307,862,503
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,614,681,161,278	1,513,174,446,721
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1,598,943,353,499	1,411,591,466,879
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15,737,807,779	101,582,979,842
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	997,971,895	1,850,388,812
22	7. Chi phí tài chính	21	7,399,408,761	13,949,524,575
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5,294,268,355	13,579,399,474
25	8. Chi phí bán hàng	22	1,712,710,316	2,364,776,696
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	9,483,600,461	9,903,175,098
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,859,939,864)	77,215,892,285
31	11. Thu nhập khác	24	2,675,148,767	59,684,140
32	12. Chi phí khác	25	835,146,150	1,157,001,254
40	13. Lợi nhuận khác		1,840,002,617	(1,097,317,114)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(19,937,247)	76,118,575,171
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(19,937,247)	76,118,575,171
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(1)	3,806



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

2. Báo cáo luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
NĂM 2018				
(Theo phương pháp gián tiếp)				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	(19,937,247)	76,118,575,171
	2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
02	-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	27,963,890,910	28,113,022,845
03	-	Các khoản dự phòng	(12,563,354,549)	6,183,079,167
04	-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1,968,910,479	333,380,386
05	-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(989,014,225)	(1,564,516,272)
06	-	Chi phí lãi vay	5,294,268,355	13,579,399,474
08	3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	21,654,763,723	122,762,940,771
09	-	Tăng, giảm các khoản phải thu	(177,578,343,463)	10,114,359,366
10	-	Tăng, giảm hàng tồn kho	(312,899,392)	19,189,183,333
11	-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	137,490,165,299	15,000,197,613
12	-	Tăng, giảm chi phí trả trước	(7,343,140,362)	(11,774,735,456)
14	-	Tiền lãi vay đã trả	-	(2,208,938,531)
20		<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	(26,089,454,195)	153,083,007,096
	II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
27	1.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1,248,751,228	1,430,776,587
30		<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	1,248,751,228	1,430,776,587
	III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	1.	Tiền thu từ đi vay	-	55,672,313,143
34	2.	Tiền trả nợ gốc vay	(61,826,380,635)	(123,182,763,120)
40		<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	(61,826,380,635)	(67,510,449,977)
50		<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	(86,667,083,602)	87,003,333,706
60		<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	97,835,311,975	10,831,908,050



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		19,814	70,219
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	11,168,248,187	97,835,311,975

3. Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018 (kèm theo)

3.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2018, các khách hàng gia công chủ lực của Công ty tiến hành đầu tư và đưa vào các dây chuyền cán nguội để tự cung cấp khiến sản lượng tiêu thụ của Công ty sụt giảm nghiêm trọng. Mặt khác, do chịu sự ảnh hưởng của thị trường thép trong nước, giá nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh trong khi đơn giá gia công đã được quy định trong hợp đồng ký kết từ trước với khách hàng khiến lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giảm mạnh so với năm trước.

Tại thời điểm 31/12/2018, lỗ lũy kế của Công ty là 176.311.739.887 đồng, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 187.348.524.430 đồng. Tuy nhiên các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo



TN FLAT STEEL

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

3.2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

3.2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3.2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3.2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3.2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành ở mỗi giai đoạn sản xuất.





TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

3.2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

3.2.11. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.2.14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.2.15. **Doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.2.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là các khoản giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

3.2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán phát sinh trong năm bao gồm các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và hoàn nhập dự phòng khoản phải trả.

3.2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Ưu đãi thuế

Theo giấy phép đầu tư số 492031000061 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/09/2007, Công ty được hưởng thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (nay là 20%) lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo. Miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 12 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3.2.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.2.22. Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	569,229,477	253,214,495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,599,018,710	31,018,208,591
Các khoản tương đương tiền	2,000,000,000	66,563,888,889
	11,168,248,187	97,835,311,975

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu với lãi suất 4,3%/năm.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

3.4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	214,872,470	-	313,677,540	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	184,713,421,520	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	11,772,838,571	-	374,041,060	-
	196,701,132,561	-	687,718,600	-

3.5. TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	-	-	602,397,893	-
Công ty TNHH STD&D	267,999,400	-	1,907,526,300	-
Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam Việt	175,301,940	-	1,706,383,800	-
Trả trước cho người bán khác	217,724,132	-	361,583,731	-
	661,025,472	-	4,577,891,724	-



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

3.6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,960,107	-	264,697,110	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	10,513,155	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	936,431	-	1,022,575	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	4,623,371	-	4,661,644	-
Tạm ứng	441,923,799	-	462,698,702	-
Ký cược, ký quỹ	27,515,700	-	13,105,155,530	-
Phải thu khác	88,275,549	-	4,315,098	-
	578,748,112	-	13,842,550,659	-

3.7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	52,755,393,250	-	54,519,185,686	-
Công cụ, dụng cụ	11,894,806	-	46,127,348	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	550,551,600	-	17,843,752,893	(1,088,321,261)
Thành phẩm	21,098,754,973	(1,137,304,255)	1,694,629,310	(116,473,068)
	74,416,594,629	(1,137,304,255)	74,103,695,237	(1,204,794,329)

3.8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74,852,755,884	444,684,042,360	19,925,625,063	1,158,042,390	540,620,465,697
Số dư cuối năm	74,852,755,884	444,684,042,360	19,925,625,063	1,158,042,390	540,620,465,697
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15,128,659,889	157,075,018,357	15,340,875,993	984,084,371	188,528,638,610
- Khấu hao trong năm	1,994,334,420	24,089,692,608	1,828,377,662	51,486,220	27,963,890,910
Số dư cuối năm	17,122,994,309	181,164,710,965	17,169,253,655	1,035,570,591	216,492,529,520
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	59,724,095,995	287,609,024,003	4,584,749,070	173,958,019	352,091,827,087
Tại ngày cuối năm	57,729,761,575	263,519,331,395	2,756,371,408	122,471,799	324,127,936,177

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 272.735.737.943 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.099.576.927 đồng.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	62,172,308	187,982,269
Chi phí sửa chữa ngắn hạn	296,346,185	451,036,007
Chi phí ngắn hạn khác	132,639,161	-
	<u>491,157,654</u>	<u>639,018,276</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	9,779,354,184	6,329,616,793
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	12,729,781,740	8,577,756,931
Chi phí sửa chữa dài hạn khác	772,456,520	883,217,736
	<u>23,281,592,444</u>	<u>15,790,591,460</u>

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

3.10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
a) Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ -				
- Vnsteel	24,527,907,937	24,527,907,937	26,013,939,116	26,013,939,116
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	184,713,421,520	184,713,421,520	40,042,352,510	40,042,352,510
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh -	46,603,673,636	46,603,673,636	47,927,497,058	47,927,497,058
- Vnsteel	37,583,687,822	37,583,687,822	22,918,316,382	22,918,316,382
- Phải trả người bán khác				
	293,428,690,915	293,428,690,915	136,902,105,066	136,902,105,066
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
b) Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh -				
- Vnsteel	46,603,672,831	46,603,672,831	39,149,486,347	39,149,486,347
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ -	24,507,810,339	24,507,810,339	25,007,810,339	25,007,810,339
- Vnsteel	71,111,483,170	71,111,483,170	64,157,296,686	64,157,296,686
Phải trả người bán là các bên liên quan	48,786,940,134	48,786,940,134	50,110,763,556	50,110,763,556

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

3.11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	209,743	20,192,300,250
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	3,173,275,576	-
- Người mua trả tiền trước khác	69,838,752	212,209,944
	<u>3,243,324,071</u>	<u>20,404,510,194</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	<u>432,302</u>	<u>108,256,107</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

3.12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2,120,122,424	3,607,901,078	4,447,408,013	-	1,280,615,489
Thuế Thu nhập cá nhân	91,882,500	-	122,264,937	112,474,843	82,092,406	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	39,960,000	39,960,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18,320,000	18,320,000	-	-
	<u>91,882,500</u>	<u>2,120,122,424</u>	<u>3,788,446,015</u>	<u>4,618,162,856</u>	<u>82,092,406</u>	<u>1,280,615,489</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

3.13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Phải trả lãi vay	7,556,812,553	-
- Lãi chậm trả công nợ mua nguyên vật liệu	-	2,229,009,425
- Lương phép và lương tháng 13	1,602,790,847	2,172,550,814
- Chi phí phải trả khác	77,261,565	73,000,000
	9,236,864,965	4,474,560,239

3.14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	10,224,675	16,190,938
- Bảo hiểm xã hội	-	1,555,159
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	17,293,527,113	17,293,527,113
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11,945,350,807	11,945,350,807
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	20,188,142,638	20,188,142,638
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10,777,915,506	10,777,915,506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	10,158,875,813	10,158,875,813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	12,347,582,441	12,347,582,441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	122,451,608	126,749,718
	82,844,070,601	82,855,890,133
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Lãi vay chậm trả	49,427,020,558	49,427,020,558
- Lãi chậm trả công nợ	33,284,373,760	33,284,373,760
	82,711,394,318	82,711,394,318
Phải trả khác là các bên liên quan	58,418,461,070	58,418,461,070

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

3.15. VAY DÀI HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay dài hạn đến hạn trả						
- Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và VFC	95,682,376,101	95,682,376,101	44,855,659,061	60,826,380,635	79,711,654,527	79,711,654,527
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ^(b)	70,271,742,903	70,271,742,903	13,756,596,601	6,771,649,745	77,256,689,759	77,256,689,759
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	25,410,633,198	25,410,633,198	31,099,062,460	54,054,730,890	2,454,964,768	2,454,964,768
	95,682,376,101	95,682,376,101	44,855,659,061	60,826,380,635	79,711,654,527	79,711,654,527
b) Vay dài hạn						
- Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và VFC	188,835,254,010	188,835,254,010	1,925,195,520	60,826,380,635	129,934,068,895	129,934,068,895
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ^(b)	118,098,741,848	118,098,741,848	1,925,195,520	6,771,649,745	113,252,287,623	113,252,287,623



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽²⁾	70,736,512,162	70,736,512,162	-	54,054,730,890	16,681,781,272	16,681,781,272
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ⁽³⁾	86,380,489,966	86,380,489,966	-	1,000,000,000	85,380,489,966	85,380,489,966
	275,215,743,976	275,215,743,976	1,925,195,520	61,826,380,635	215,314,558,861	215,314,558,861
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(95,682,376,101)	(95,682,376,101)			(79,711,654,527)	(79,711,654,527)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	179,533,367,875	179,533,367,875			135,602,904,334	135,602,904,334



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:
- (i) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018: 3.737.680,00 USD, tương đương với 86.889.066.160 đồng; Số dư vay dài hạn đến hạn trả là 2.338.685 USD, tương đương 54.362.740.939 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
- (ii) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi chí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018: 26.363.221.463 đồng; Số dư vay dài hạn đến hạn trả là 22.893.948.820 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
- (2) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 77.310.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi chí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018: 16.681.781.272 đồng; Số dư vay dài hạn đến hạn trả là 2.454.964.768 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(3) Khoản vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP:

Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2018 là 85.380.489.966 đồng.

Các khoản vay đối với các bên liên quan

d)

	31/12/2018		01/01/2018	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	85,380,489,966	20,188,142,638	86,380,489,966	20,188,142,638
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt ⁽¹⁾	113,252,287,623	17,293,527,113	118,098,741,848	17,293,527,113
	<u>198,632,777,589</u>	<u>37,481,669,751</u>	<u>204,479,231,814</u>	<u>37,481,669,751</u>

Mối quan hệ:

(1) Cổ đông sáng lập

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

3.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200,000,000,000	769,839,744	(252,410,377,811)	(51,640,538,067)
Lãi trong năm trước	-	-	76,118,575,171	76,118,575,171
Số dư cuối năm trước	200,000,000,000	769,839,744	(176,291,802,640)	24,478,037,104
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000	769,839,744	(176,291,802,640)	24,478,037,104
Lãi trong năm nay	-	-	(19,937,247)	(19,937,247)
Số dư cuối năm nay	200,000,000,000	769,839,744	(176,311,739,887)	24,458,099,857
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	62,494,810,000	31.25%	62,494,810,000	31.25%
Công ty Tôn Phương Nam	10,000,000,000	5.00%	10,000,000,000	5.00%
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	14,000,000,000	7.00%	14,000,000,000	7.00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	14,000,000,000	7.00%	14,000,000,000	7.00%
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	11,999,090,000	6.00%	11,999,090,000	6.00%
Cổ đông khác	87,506,100,000	43.75%	87,506,100,000	43.75%
	200,000,000,000	100%	200,000,000,000	100%

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200,000,000,000	200,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200,000,000,000	200,000,000,000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200,000,000,000	200,000,000,000

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20,000,000	20,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20,000,000	20,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) **Các quỹ công ty**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	769,839,744	769,839,744
	769,839,744	769,839,744

3.17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1,548,314,531,429	1,293,776,709,235
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	49,332,231,526	193,792,700,542
Doanh thu bán phế liệu	17,252,702,814	26,912,899,447
	1,614,899,465,769	1,514,482,309,224

3.18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	802,882,162
Giảm giá hàng bán	218,304,491	504,980,341



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

218,304,491

1,307,862,503

3.19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1,556,168,456,070	1,260,438,651,186
Giá vốn gia công	37,718,828,892	118,676,568,367
Giá vốn bán phế liệu	17,619,423,086	26,293,168,159
Dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(67,490,074)	1,204,794,329
Dự phòng khoản phải trả ^(*)	(12,495,864,475)	4,978,284,838
	<u>1,598,943,353,499</u>	<u>1,411,591,466,879</u>

(*): Khoản hoàn nhập dự phòng phải trả đối với việc thanh lý các hợp đồng cung cấp thép tấm lá với Công ty Tôn Phương Nam trong năm 2018. (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30).

3.20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	989,014,225	1,564,516,272
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8,957,670	285,872,540
	<u>997,971,895</u>	<u>1,850,388,812</u>

3.21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	5,294,268,355	13,579,399,474
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	136,229,927	36,744,715
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1,968,910,479	333,380,386
	<u>7,399,408,761</u>	<u>13,949,524,575</u>

3.22. CHI PHÍ BÁN HÀNG



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1,469,645,937	1,593,305,847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	401,753,781
Chi phí khác bằng tiền	243,064,379	369,717,068
	<u>1,712,710,316</u>	<u>2,364,776,696</u>

3.23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117,169,032	244,282,326
Chi phí nhân công	3,900,751,259	4,253,621,656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121,067,918	220,978,498
Thuế, phí, lệ phí	58,280,000	68,693,380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,695,520,946	1,667,563,313
Chi phí khác bằng tiền	2,590,811,306	3,448,035,925
	<u>9,483,600,461</u>	<u>9,903,175,098</u>

3.24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền phạt thu được	1,312,657,677	-
Thu nhập từ bán phế phẩm	1,303,124,155	-
Thu nhập khác	59,366,935	59,684,140
	<u>2,675,148,767</u>	<u>59,684,140</u>

3.25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu nộp thuế	6,392,692	341,694,417
Chi phí không đủ hóa đơn, chứng từ	767,302,121	614,703,233
Chi phí khác	61,451,337	200,603,604
	<u>835,146,150</u>	<u>1,157,001,254</u>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

3.26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19,937,247)	76,118,575,171
Các khoản điều chỉnh tăng	814,146,150	956,397,650
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	814,146,150	956,397,650
Các khoản điều chỉnh giảm	(794,208,903)	(77,074,972,821)
- <i>Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm</i>	(19,814)	-
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(794,189,089)	(77,074,972,821)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

3.27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(19,937,247)	76,118,575,171
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(19,937,247)	76,118,575,171
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20,000,000	20,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1)	3,806

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,521,262,916,915	1,251,551,177,815
Chi phí nhân công	15,935,570,009	17,350,525,119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27,963,890,910	28,113,022,845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56,538,066,688	115,422,861,488
Chi phí khác bằng tiền	3,113,498,673	3,309,887,542



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

1,624,813,943,195

1,415,747,474,809

3.29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11,168,248,187	-	97,835,311,975	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	197,279,880,673	-	14,530,269,259	-
	<u>208,448,128,860</u>	<u>-</u>	<u>112,365,581,234</u>	<u>-</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	215,314,558,861	275,215,743,976
Phải trả người bán, phải trả khác	376,272,761,516	219,757,995,199
Chi phí phải trả	9,236,864,965	4,474,560,239
	<u>600,824,185,342</u>	<u>499,448,299,414</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11,168,248,187	-	-	11,168,248,187
Phải thu khách hàng, phải thụ khác	197,279,880,673	-	-	197,279,880,673
	208,448,128,860	-	-	208,448,128,860
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97,835,311,975	-	-	97,835,311,975



TN FLAT STEEL

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,530,269,259	-	-	14,530,269,259
	<u>112,365,581,234</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112,365,581,234</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	79,711,654,527	135,602,904,334	-	215,314,558,861
Phải trả người bán, phải trả khác	376,272,761,516	-	-	376,272,761,516
Chi phí phải trả	9,236,864,965	-	-	9,236,864,965
	<u>465,221,281,008</u>	<u>135,602,904,334</u>	<u>-</u>	<u>600,824,185,342</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	95,682,376,101	179,533,367,875	-	275,215,743,976
Phải trả người bán, phải trả khác	219,757,995,199	-	-	219,757,995,199
Chi phí phải trả	4,474,560,239	-	-	4,474,560,239
	<u>319,914,931,539</u>	<u>179,533,367,875</u>	<u>-</u>	<u>499,448,299,414</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3.30. THÔNG TIN KHÁC



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Trong năm 2016, Công ty đã ký các hợp đồng số 01,02,03/HĐMB-2016-TNFS về việc cung cấp thép tấm lá với giá bán cố định bình quân là 8.891.940 đồng/tấn với Công ty Tôn Phương Nam, tổng số lượng thép tấm lá theo các hợp đồng là 5.000 tấn. Công ty đã cung cấp được 2.857 tấn, còn 2.143 tấn chưa cung cấp. Tuy nhiên do giá thép liên tục tăng, nên tới thời điểm trước ngày thanh lý hợp đồng Công ty vẫn chưa thực hiện cung cấp số thép còn lại theo các điều khoản của hợp đồng này và thực hiện trích lập dự phòng phải trả đối với tổn thất nếu tiếp tục thực hiện các hợp đồng trên với số tiền là 12.495.864.475 đồng. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, căn cứ vào Biên bản thanh lý các Hợp đồng số 01,02,03/HĐMB-2016-TNFS ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Tôn Phương Nam, hai bên đã thống nhất Công ty không phải chịu bất cứ tổn thất nào liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng nêu trên, theo đó Công ty đã thực hiện hoàn nhập toàn bộ dự phòng phải trả với giá trị nêu trên.

3.31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có số dư và giao dịch với Công ty trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cổ đông sáng lập
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Cổ đông sáng lập

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 15.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	431,778,449,710	334,731,378,378
Công ty Tôn Phương Nam	431,778,449,710	268,510,227,740
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	-	66,221,150,638
Mua hàng	147,664,603,646	88,164,160,029



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	147,664,603,646	87,956,898,117
Công ty Tôn Phương Nam	-	207,261,912

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	48,786,940,134	50,110,763,556
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	46,603,673,636	47,927,497,058
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	2,183,266,498	2,183,266,498
Người mua trả tiền trước	432,302	108,256,107
Công ty Tôn Phương Nam	432,302	108,256,107
Lãi trả chậm	20,936,791,319	20,936,791,319
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	10,158,875,813	10,158,875,813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10,777,915,506	10,777,915,506

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	430,658,267	412,768,141
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	383,732,716	367,929,038

3.32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ngày 15 tháng 03 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HUY THO